

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/3/2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Giữ

2. Ông Lê Cao Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thuỳ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Hồng H, sinh năm 1987 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 34, ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 01, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Hồng H trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông P chung sống vào năm 2003, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận B, thành phố Cần Thơ, theo giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyền số 01 ngày 05/05/2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông P không chí thú làm ăn, phụ giúp bà chăm lo cho gia đình mà thường uống rượu, ăn chơi và cờ bạc, bà

có khuyên can nhiều lần nhưng ông P không chịu sửa đổi, vợ chồng thường xảy ra cự cãi với nhau về việc tiền bạc, thiếu sự tin tưởng với nhau và nhiều việc khác trong cuộc sống nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Do đó, bà và ông P sống ly thân từ tháng 6/2011 cho đến nay. Thời gian ly thân giữa bà và ông P không hàn gắn được tình cảm với nhau, gia đình hai bên có khuyên can, tạo điều kiện cho vợ chồng bà hàn gắn tình cảm nhưng không hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn.

Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân có kéo dài cũng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là Nguyễn Thành P1, sinh ngày 07/4/2004. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thành P được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để tham gia các tiến trình tố tụng của Tòa án thực hiện theo quy định của pháp luật và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa:

- Bà H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông P vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án là chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, cho bà H được ly hôn với ông P. Về con chung: Đề nghị giao cháu P1 cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng, do bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về án phí sơ thẩm: Đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết:*

Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung đối với ông P nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*". Ông P có địa chỉ cư trú tại xã B, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] *Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bà H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà H và ông P chung sống với nhau năm 2003, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận B, thành phố Cần Thơ theo quy định của pháp luật nên xét hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, theo bà H trình bày quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông P không chí thú làm ăn, phụ giúp bà chăm lo cho gia đình mà thường uống rượu, ăn chơi và cờ bạc, vợ chồng thường xảy ra cự cãi với nhau về việc tiền bạc, nhiều việc khác trong cuộc sống, thiếu sự tin tưởng với nhau nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Thực tế bà H và ông P đã không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Ông bà ly thân từ tháng 06/2011 cho đến nay nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà H yêu cầu ly hôn do mâu thuẫn trầm trọng trong cuộc sống hôn nhân, bà từ chối hoà giải và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Từ đó cho thấy, bà H cương quyết trong việc yêu cầu ly hôn. Về phía ông P những lần Tòa án triệu tập đến để tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và phiên tòa thì ông P đều vắng mặt. Điều đó cho thấy, ông P không có thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà H.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa ông bà đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, cho bà H được ly hôn với ông P là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú.

[2.2] *Về con chung:*

Bà H và ông P có 01 (một) con chung là Nguyễn Thành P1, sinh ngày 07/4/2004. Xét thấy, bà H có yêu cầu được trực tiếp nuôi con, cháu P1 cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Đồng thời, để đảm bảo về sự phát triển mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu P1 cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật:

Căn cứ vào Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông P là người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng có quyền đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Bà H và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông P đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà H và ông P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Do bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Hồng H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Hồng H được ly hôn với ông Nguyễn Thành P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyền số 01, do Ủy ban nhân dân phường T, quận B, thành phố Cần Thơ cấp ngày 05/05/2008 cho bà Phạm Hồng H và ông Nguyễn Thành P không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thành P1, sinh ngày 07/4/2004.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết.

Bà H và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông P đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Phạm Hồng H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003433 ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú nên bà H không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Hồng H, ông Nguyễn Thành P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND phường T, quận B, thành phố Cần Thơ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Cẩm Xuyên